

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/KDTM-ST.

Ngày: 22/9/2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hồng Hạnh;

2. Ông Trương Văn Hòa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Quang Trực – Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hạnh –

Kiểm Sát viên

Trong ngày 22/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án KDTM thụ lý số: 05/2016/TLST-KDTM ngày 30/5/2016 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-KDTM ngày 04/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2017/QĐST-KDTM ngày 26/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2017/QĐST-KDTM ngày 25/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (viết tắt SB)

Trụ sở: 266-268 N, P. 8, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Phan Huy K - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Phạm Quang Đ - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Đ – Chi nhánh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 29/3/2016).

HKTT: 9A/55 khu phố 9, p. H, T.p B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi làm việc: QL 1A, ấp An, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (*Có mặt*)

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: ấp 7, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2016, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S là ông Phạm Quang Đ trình bày: Vào ngày 26/9/2014, Ngân hàng TMCP S (Gọi tắt SB) có ký hợp đồng tín dụng số LD 1426200276 với bà Nguyễn Thị Thanh T. Nội dung hợp đồng là Ngân hàng S sẽ cho bà T vay số tiền là 500.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn mở rộng cơ sở kinh doanh nông sản, thời hạn vay là 60 tháng kể từ

ngày nhận tiền vay. Và tại giấy nhận nợ số LD 1426200276-1, ngày 26/9/2014 có thỏa thuận mức lãi suất vay là 03 tháng đầu là 1,1%, lãi suất các tháng tiếp theo điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất huy động 13 tháng lãi trả cuối kỳ do SB ban hành tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 0,4%/ tháng.

Phương thức trả nợ là hàng tháng sẽ trả 8.334.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo thỏa thuận như trên; trả đến khi hết nợ.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay cũng vào ngày 26/9/2014 giữa SB và bà T có ký hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 1379-01094/TC tại Văn phòng công chứng B, tỉnh Đồng Nai. Nội dung hợp đồng là bà T thế chấp: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu: Hyundai, biển số: 60C-157.61, loại xe: tải có mui, màu sơn: xanh, số máy: D4DBA422770, số khung: 17BPAC000024, kiểu xe: Mighty, tải trọng hàng hóa: 3200 kg, số chỗ ngồi: 03, xe mới 70% và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu: Mitsubishi, biển số: 60C-076.65, loại xe: tải có mui, màu sơn: trắng, số máy: 4D34N27531, số khung: 85PGC1000084, kiểu xe: Canter, tải trọng hàng hóa: 3950 kg, số chỗ ngồi: 03, xe mới 80% cho SB.

Từ ngày 26/11/2015, vì bà T không thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà T trả hết cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ và lãi suất. Từ ngày 26/11/2015 bà T còn nợ gốc số tiền 382.324.000 đồng thì Ngân hàng đã chuyển hết phần nợ gốc này thành nợ quá hạn. Và thời điểm này lãi trong hạn của Hợp đồng vay của bà T được điều chỉnh lãi suất với mức là 12,35%/năm và lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn là 18,53%/năm.

Theo như đơn khởi kiện ban đầu thì SB yêu cầu bà T trả số nợ gốc là 391.658.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay thì ông Đ đại diện cho nguyên đơn có cung cấp bảng chiết tính vốn lãi đến ngày 21/9/2017, thì số tiền vay gốc của bà T đã trả cho ngân hàng là 378.342.000 đồng, số tiền gốc còn nợ SB hiện tại còn 121.658.000 đồng và lãi suất là 62.793.044 đồng. Bảng tính này so với đơn khởi kiện ban đầu của ngân hàng có sự không chính xác, thì ông Đ cho rằng do khi làm đơn thì Ngân hàng cập nhật chưa đủ số tiền bà T sau đó tiếp tục nộp vào. Vì vậy, ông đại diện cho Ngân hàng xác định bảng chiết tính ông cung cấp hôm nay là số liệu chính xác nhất.

Nay SB yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T trả số nợ gốc còn lại là 121.658.000 đồng và số tiền lãi quá hạn là 62.793.044 đồng tính đến ngày 21/9/2017 và yêu cầu bà Tâm tiếp tục trả lãi theo mức 18,53%/năm. Đồng thời đưa tài sản mà bà T đã thế chấp làm tài sản đảm bảo trong quá trình thi hành án.

* Đối với bị đơn là Nguyễn Thị Thanh T: vì bà T cố tình vắng mặt trong các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập nên không có lời trình bày của bà.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Tòa án còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử; Quyết định xét xử ghi thành phần Hội thẩm dự khuyết chưa đúng với quyết định phân công. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị Thanh T trả số tiền vay gốc còn lại; đối với yêu cầu lãi suất đề nghị HĐXX chấp nhận theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trong đơn khởi kiện ngày 29/3/2016, SB khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh. Theo hồ sơ do nguyên đơn cung cấp thì SB có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (tại BL 21) và hợp đồng vay vốn giữa Ngân hàng và bà T với mục đích bổ sung vốn mở rộng cơ sở kinh doanh nông sản. Như vậy, xét thấy đây là quan hệ về tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật TTDS, mà cụ thể là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Vì bị đơn có nơi cư trú tại ấp 7, xã S, huyện C. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo hợp đồng vay giữa 2 bên địa chỉ của bà T là ấp 7, xã S, huyện C nhưng quá trình thụ lý vụ án bà T không có mặt tại địa phương; khi đi bà T không thông báo cho phía SB biết nơi cư trú mới của bà. Phía nguyên đơn đã đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng nơi cư trú và đã được Tòa án chấp nhận cho thông báo tìm kiếm. Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Tâm là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án: Lời trình bày của nguyên đơn về thời gian vay, số tiền gốc, lãi suất vay và tài sản thế chấp là phù hợp với các hợp đồng giữa 2 bên đã ký kết (BL 61 -> 69). Đối với hợp đồng thế chấp lại được công chứng tại cơ quan có thẩm quyền và tài sản thế chấp cũng được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật (BL 71 -> 76). Như vậy, có việc bà Nguyễn Thị Thanh T có vay của SB số tiền 500.000.000 đồng là có. Và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định số tiền vay gốc còn lại của bà T là 121.658.000 đồng, như vậy bà T đã thanh toán cho SB số tiền 378.342.000 đồng nợ gốc. Hiện bà T vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho bên Ngân hàng và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật để triệu tập bà T đến Tòa án làm việc nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt và hiện tại không có cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án. Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của SB về việc buộc bà T trả số tiền vay gốc còn lại là 121.658.000 đồng.

- Đối với số tiền lãi quá hạn: SBk cho rằng vì bà T không trả tiền theo thỏa thuận vào ngày 26/11/2015 nên toàn bộ nợ gốc của bà T chuyển sang nợ quá hạn và mức lãi suất trong hạn thời điểm đó là 12,35%/năm và lãi quá hạn sẽ là 150% của lãi trong hạn là 18,53%/năm. Và theo bảng chiết tính ngày 21/9/2017 số lãi quá hạn bà T nợ là 74.895.213 đồng và bà T đã trả được 12.102.169 đồng nên còn nợ lãi quá hạn là 62.793.044 đồng. Xét thấy: Theo hợp đồng được ký kết giữa các bên (Bl 66) và phụ lục tài sản bảo đảm (Bl67) có quy định “Trường hợp nợ quá hạn do chậm trả nợ gốc, bên vay đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc của kỳ hạn mà bên vay không trả đúng hạn do SB xác định tại thời điểm phát sinh và tối đa không vượt

quá mức lãi suất quy định pháp luật (nếu có)”. Như vậy, căn cứ theo quy định Luật tổ chức tín dụng; Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 về quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thì việc SB yêu cầu tính lãi quá hạn là 150% của lãi trong hạn là phù hợp. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của SBk: buộc bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho SB số tiền lãi tính đến ngày 21/9/2017 là 62.793.044 đồng.

Kể từ ngày 22/9/2017, bà T còn phải chịu lãi suất quá hạn đối với số tiền nợ gốc phải trả theo mức lãi suất là 18,53%/năm, tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm thanh toán.

- Đối với yêu cầu đưa tài sản thế chấp giữa các bên là: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu: Hyundai, biển số: 60C-157.61, loại xe: tải có mui, màu sơn: xanh, số máy: D4DBA422770, số khung: 17BPAC000024, kiểu xe: Mighty, tải trọng hàng hóa: 3200 kg, số chỗ ngồi: 03 và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu: Mitsubishi, biển số: 60C-076.65, loại xe: tải có mui, màu sơn: trắng, số máy: 4D34N27531, số khung: 85PGC1000084, kiểu xe: Canter, tải trọng hàng hóa: 3950 kg, số chỗ ngồi: 03, làm tài sản đảm bảo thi hành án. Xét việc thế chấp giữa 2 bên thực hiện là đúng trình tự và quy định pháp luật (BL 71->76) nên cần chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí KDTMST đối với toàn bộ số tiền bà phải trả cho SB là: 184.451.044 đồng x 5% = 9.222.600 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Về quan điểm của VKSND huyện Cẩm Mỹ phù hợp với quy định pháp luật và quan điểm giải quyết của HĐXX nên ghi nhận.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật TTDS;
Căn cứ Điều 7, 91, 94 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.
Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S.
- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc là 121.658.000 đồng (*Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn đồng*) và số tiền lãi quá hạn là 62.793.044 đồng (*Sáu mươi hai triệu bảy trăm chín mươi ba ngàn bốn mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày 22/9/2017, bà T còn phải chịu lãi suất quá hạn đối với số tiền nợ gốc phải trả theo mức lãi suất là 18,53%/năm, tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm thanh toán.

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu: Hyundai, biển số: 60C-157.61, loại xe: tải có mui, màu sơn: xanh, số máy: D4DBA422770, số khung: 17BPAC000024, kiểu xe: Mighty, tải trọng hàng hóa: 3200 kg, số chỗ ngồi: 03 và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu: Mitsubishi,

biển số: 60C-076.65, loại xe: tải có mui, màu sơn: trắng, số máy: 4D34N27531, số khung: 85PGC1000084, kiểu xe: Canter, tải trọng hàng hóa: 3950 kg, số chỗ ngồi: 03, là tài sản đảm bảo trong giai đoạn thi hành án.

2/ Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí KDTMST là: 9.222.600 đồng (*Chín triệu hai trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 10.264.600 đồng (*Mười triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm đồng*) là tiền tạm ứng án phí đã nộp. Theo biên lai thu tiền số 003541 ngày 27/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được 15 ngày kháng cáo, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ ;
- THA dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Phạm Thị Tường Vy